

Bản án số: 606/2024/HS-PT
Ngày 30 - 7 - 2024

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Nhật Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hồng Phong - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 405/2024/HSPT, ngày 08/4/2024 do có kháng cáo của bị cáo Vũ Thị Ngọc Q và những bị hại, gồm: anh Đỗ Ngọc H, chị Lê Thủy T, bà Đặng Thị L, anh Hà Quốc B, anh Đinh Xuân T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/202024/HS-ST ngày 20/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

* Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

Vũ Thi Ngọc Q, tên gọi khác: Không; sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Tổ A, khu Q, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: Căn hộ H, Tòa S, chung cư S, tổ A, khu A, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp trước khi bị khởi tố: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; con ông: Vũ Viết Q1 và bà Đỗ Thị L1; chồng là Trịnh Đức T2 (đã ly hôn) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/02/2022 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 30 triệu đồng về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thị Ngọc Q:* Ông Đinh Đức D, Luật sư Văn phòng L5, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

* *Bi hai có kháng cáo được Tòa án triệu tập đến phiên tòa:*

1. Anh Đỗ Ngọc H; sinh năm 1989 và chị Lê Thủy T; sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ A, khu G, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: Thôn C, xã T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; anh H có mặt, chị T vắng mặt.

2. Anh Đinh Xuân T1; sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ C, khu B, phường H, thành phố H, Quảng Ninh, có mặt.

3. Anh Hà Quốc B; sinh năm 1998; nơi cư trú: Số nhà A, tổ I, khu I, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

4. Bà Đặng Thị L; sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ E, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Thị Ngọc Q có quan hệ quen biết với các anh Đỗ Ngọc H, Hà Quốc B, Đinh Xuân T1 và bà Đặng Thị L. Bản thân Q là lao động tự do, không làm trong bất kỳ cơ quan, tổ chức nào liên quan đến việc cấp, đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; cũng như không đầu tư để kinh doanh bất động sản, nhưng Vũ Thị Ngọc Q đã đưa ra những thông tin không có thật, làm cho các anh Hà Quốc B và Đinh Xuân T1 tin tưởng cùng góp vốn mua đất để bán kiếm lời; đồng thời Q còn có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của anh Đỗ Ngọc H và bà Đặng Thị L, bằng hình thức nhận tiền làm giấy Chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất. Sau khi nhận tiền, Q không thực hiện công việc như đã thỏa thuận mà dùng tiền để trả nợ cho một số người mà Q đã vay trước đó và ăn tiêu hết. Trong khoảng thời gian từ tháng 07/2021 đến tháng 07/2022, bị cáo đã chiếm đoạt của nhiều bị hại với tổng số tiền là 4.730.000.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt số tiền 670.000.000 đồng của anh Đỗ Ngọc H:

Vụ thứ nhất: khoảng tháng 05/2021, anh Đỗ Ngọc H nhờ Q làm thủ tục cấp, chuyển đổi GCNQSD đất cho thửa đất có diện tích 1290m², tại địa chỉ: Thôn L, xã T, thành phố H của ông Nguyễn Quang L2 để sang tên cho anh Đỗ Thanh L3, đồng thời tách diện tích đất 130m² từ thửa đất này để làm GCNQSD đất mang tên anh Đỗ Ngọc H. Sau khi xem hồ sơ giấy tờ đất, Q đồng ý, thỏa thuận với anh H: Làm thủ tục cấp GCNQSD đất từ tên ông Nguyễn Quang L2 sang tên anh Đỗ Thanh L3 là 400.000.000 đồng; Chi phí tách diện tích đất 130m² và làm GCNQSD đất mang tên anh Đỗ Ngọc H là 70.000.000 đồng.

Sáng ngày 31/7/2021, Q đến nhà gặp vợ chồng anh H để lấy hồ sơ giấy tờ đất của anh L3, đồng thời Q bảo anh H đưa 250.000.000 đồng để Q đi làm giấy tờ đất, anh H đồng ý và chuyển 200.000.000 đồng vào tài khoản số 05188013999968 của Q mở tại Ngân hàng M chi nhánh Q3, đồng thời đưa cho Q 50.000.000 đồng. Đến ngày 03/8/2021, Q đến nhà và bảo anh H đưa cho Q 150.000.000 đồng. Anh H đã chuyển 150.000.000 đồng vào số tài khoản 05188013999968 của Q. Khoảng 05 ngày sau, Q tiếp tục đến nhà và bảo anh H đưa cho Q 70.000.000 đồng để Q đi làm thủ tục tách diện tích đất 130 m² và làm

GCNQSD đất mang tên anh H, anh H đồng ý và đã đưa cho Q 70.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Q hứa hẹn với anh H trong thời hạn 02 tháng thì Q sẽ làm xong tất cả GCNQSD đất như đã thỏa thuận với anh H. Đến khoảng tháng 10/2021, anh H hỏi Q về giấy tờ đất thì Q lấy nhiều lý do để hứa hẹn, nói dối anh H mục đích để anh H không hỏi về việc làm GCNQSD đất. Đến ngày 12/5/2022, Q và anh H viết giấy nhận tiền làm sổ, có nội dung: Q nhận của anh H 470.000.000 đồng để làm sổ với diện tích đất là 1290 m²; trong đó có 900 m² xây dựng tại địa chỉ: Thôn L, xã T, thành phố H, hẹn trong 02 tháng sẽ làm được sổ; nếu Q làm được thì anh H thưởng thêm 200.000.000 đồng; còn nếu không làm được thì Q hoàn trả lại 470.000.000 đồng và chịu phạt 100.000.000 đồng. Đến thời hạn, Q không làm được GCNQSD đất như đã thỏa thuận nhưng cũng không trả lại tiền cho anh H.

Vụ thứ hai: Bà Nguyễn Thị L4 là mẹ vợ anh Đỗ Ngọc H có thửa đất số 76+45 tờ bản đồ địa chính số 171, diện tích 608,9m² thuộc thôn C, xã T, thành phố H, muốn chuyển đổi mục đích sử dụng đất nên anh H đã nhờ Q làm chuyển đổi mục đích sử dụng đất, Q đồng ý và thỏa thuận với anh H chi phí là 200.000.000 đồng. Đến ngày 17/01/2022, anh H đã chuyển 200.000.000 đồng đến tài khoản số 05188013999968 của Q mở tại Ngân hàng M chi nhánh Q3, khi chuyển khoản anh H ghi nội dung “anh H1 chuyen tien lam so”. Sau khi nhận tiền, Q viết giấy nhận tiền, nội dung “Q nhận của anh Đỗ Ngọc H số tiền 200 triệu để làm sổ đất với diện tích 608,9 m², địa chỉ: Thôn C, xã T, thành phố H” và cam kết sau 02 tháng hoàn sổ cho anh H. Toàn bộ số tiền nhận của anh H, Q đã sử dụng để ăn tiêu hết, mà không thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất như đã thỏa thuận với anh H. Sau đó, anh H đã nhiều lần hỏi Q về việc làm chuyển đổi sử dụng đất, nhưng Q chỉ hứa hẹn mà không làm công việc như đã thỏa thuận với anh H.

Đến ngày 27/3/2023, thấy Q chỉ hứa hẹn mà không làm GCNQSD đất như đã thỏa thuận nhưng cũng không trả lại tiền nên anh H đã đến Cơ quan Công an trình báo, giao nộp: Giấy biên nhận tiền sao kê tài khoản Ngân hàng, USB ghi âm cuộc nói chuyện giữa anh H và Q. Anh H yêu cầu Q phải hoàn trả lại số tiền 670.000.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 534 ngày 05/5/2023, của Phòng kỹ thuật Công an tỉnh Q, kết luận: Chữ viết, chữ ký trong giấy biên nhận tiền do anh Đỗ Ngọc H giao nộp với chữ viết, chữ ký của Vũ Thị Ngọc Q là do cùng một người viết và ký ra.

2. Chiếm đoạt số tiền 770.000.000 đồng của anh Đinh Xuân T1:

Q và anh Đinh Xuân T1 quen biết nhau, Q nói với anh T1 quen biết với nhiều Lãnh đạo tại thị xã Đ và lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh, nên có thể mua bán đất nhanh hưởng chênh lệch, đồng thời Q rủ anh T1 cùng góp tiền mua đất. Do tin tưởng Q, nên anh T1 đã chuyển tiền cho Q để góp mua 02 mảnh đất, cụ thể:

Ngày 07/12/2021, Q nói với anh T1 “Q đang đầu tư 01 thửa đất tại thị xã Đ” và sẽ bán được nhanh và rủ anh T1 góp vốn để cùng đầu tư thửa đất này. Q hứa hẹn sẽ chia cho anh T1 20%/trên tổng số vốn góp. Q lên mạng xã hội Zalo vào trong các nhóm giao dịch bất động sản, lấy bức ảnh chụp sơ đồ mảnh đất viết tay

có nội dung “4000NT, giáp hộ ông K, giáp hộ ông T3...” rồi gửi Z cho anh T1, mục đích để anh T1 tin tưởng. Sau đó, Q bảo anh T1 góp 500.000.000 đồng. Nhưng do anh T1 chỉ có 430.000.000 đồng, nên Q bảo sẽ cho anh T1 vay 70.000.000 đồng, khi nào bán đất sẽ trừ vào tiền lãi của anh T1. Trong khoảng thời gian từ ngày 07/12/2021 đến ngày 17/12/2021, anh T1 đã 03 lần chuyển khoản với tổng số tiền là 430.000.000 đồng vào tài khoản số 0518801399968 của Q mở tại Ngân hàng M Chi nhánh Q3. Khoảng một tuần sau, để anh T1 tin tưởng Q nói dối anh T1 “có người mua mảnh đất trên với giá 2.200.000.000 đồng”, đồng thời Q chuyển cho anh T1 số tiền lãi là 50.000.000 đồng, còn Q vẫn giữ lại số tiền gốc của anh T1 là 430.000.000 đồng. Vụ thứ hai: ngày 25/12/2021, Q nói với anh T1 “Q đang đầu tư mua thửa đất số 52, diện tích 2.865,6 m² tờ bản đồ số 19, tại thôn C, xã V, thị xã Đ, với giá là 6.000.000.000 đồng” đồng thời Q rủ anh T1 góp số tiền 500.000.000 đồng cùng với số tiền 430.000.000 đồng mà Q vẫn cầm của anh T1, để mua mảnh đất này. Để anh T1 tin tưởng, Q lên mạng xã hội Zalo rồi vào nhóm buôn bán bất động sản “Huynh đệ bất động sản ATHENA” lấy hình ảnh mặt trong GCNQSD đất của thửa đất số 52, tờ bản đồ số 19, diện tích 2865,6 m² tại thôn C, xã V, thị xã Đ và gửi Zalo cho anh T1. Do tin tưởng Q nên anh T1 đồng ý. Sau đó từ ngày 25/12/2021 đến ngày 27/12/2021, anh T1 đã 02 lần chuyển khoản với tổng số tiền 500.000.000 đồng đến tài khoản số 0518801399968 của Q mở tại Ngân hàng M Chi nhánh Q3. Sau khi nhận được tiền, Q hẹn với anh T1 trong thời gian khoảng 02 tuần thì sẽ sang tên được sổ. Quá thời hạn nhưng không thấy Q thực hiện như cam kết, anh T1 đã nhiều lần yêu cầu Q cung cấp tài liệu chứng minh việc Q mua thửa đất trên. Q đã tự lập một tờ thỏa thuận đặt cọc giữa Q với một người có tên là Nguyễn Thị P, số CCCD 022185223566, địa chỉ cư trú: Địa Hồ, A, Đ, Quảng Ninh, với nội dung: Q mua mảnh đất trên của chị P với giá 6.000.000.000 đồng và đã đặt cọc số tiền 5.700.000.000 đồng rồi gửi cho anh T1, để anh T1 tin và không gọi điện cho Q để hỏi cũng như đòi lại tiền. Sau nhiều lần anh T1 yêu cầu Q trả lại tiền thì Q mới trả lại anh T1 số tiền 160.000.000 đồng, còn lại số tiền 770.000.000 đồng thì Q chưa trả lại cho anh T1. Do nghi ngờ Q lừa đảo chiếm đoạt số tiền 770.000.000 đồng, nên anh T1 đến Cơ quan Công an trình báo, giao nộp các tài liệu, gồm: Sao kê tài khoản và các hình ảnh thể hiện việc anh T1 chuyển khoản tiền cho Q; Thỏa thuận đặt cọc giữa chị Nguyễn Thị P (bên A) và Vũ Thị Ngọc Q (bên B) số tiền nhận đặt cọc là 5.700.000.000 đồng để mua mảnh đất diện tích 2.865,6 m² tờ bản đồ số 19, tại thôn C, xã V, thị xã Đ, với giá là 6.000.000.000 đồng; Hình ảnh tin nhắn Zalo giữa anh T1 và Q nói về việc góp tiền mua đất, cũng như việc Q chưa bán được đất và việc anh T1 yêu cầu Q phải trả lại tiền.

3. Chiếm đoạt số tiền 350.000.000 đồng, của anh Hà Quốc B:

Vụ thứ nhất: khoảng tháng 02/2022, Q nói với anh B đang đầu tư thửa đất số 52, tờ bản đồ số 19, diện tích 2865,6m² tại thôn C, xã V, thị xã Đ, có giá trị là 3.000.000.000 đồng và rủ anh B cùng góp vốn để đầu tư. Q hứa hẹn sau 01 tháng sẽ bán, anh B được hưởng tiền gốc + 10% số tiền góp đầu tư. Sau đó Q lên mạng xã hội Z rồi vào nhóm buôn bán bất động sản “Huynh đệ bất động sản ATHENA” lấy hình ảnh mặt trong GCNQSD đất của thửa đất số 52, tờ bản đồ số

19, diện tích 2865,6m² tại thôn C, xã V, thị xã Đ và gửi Z cho anh B. Do tin tưởng nên anh B đã chuyển khoản số tiền 170.000.000 đồng vào tài khoản số 05188013999968 của Q mở tại Ngân hàng M Chi nhánh Q3, đồng thời đưa cho Q số tiền 30.000.000 đồng. Đến ngày 12/02/2022, Q đã lập 01 thỏa thuận đặt cọc có nội dung: Bên nhận đặt cọc (bên A) là Vũ Thị Ngọc Q có nhận tiền đặt cọc 200 triệu của anh Hà Quốc B (bên B) để đăng ký chọn mua bất động sản là đất ở + khai thác khoáng sản; chi tiết bất động sản là diện tích 2865,6m² với giá bán là 03 tỷ, thời gian đặt cọc từ ngày 12/02/2022 đến ngày 12/3/2022, hết thời hạn Bên A không bán bất động sản trên hoặc vi phạm cam kết thì sẽ phải hoàn trả lại tiền đặt cọc cho Bên B. Hết thời hạn Q lấy nhiều lý do để nói không bán được đất và cũng không trả lại tiền cho anh. Khi đi tìm hiểu, anh B thấy chủ đất không có nhu cầu bán đất, nên đã yêu cầu Q trả lại tiền nhưng Q trốn tránh và không trả lại tiền cho anh B.

Vụ thứ hai: Khoảng tháng 06/2022, Q nói với anh B “Q đang đầu tư thửa đất số 86, tờ bản đồ số 14, diện tích 72 m²” ở Tổ G, Khu I, phường C, thành phố H, đồng thời Q rủ anh B góp vốn mua mảnh đất trên. Q hứa hẹn trong thời gian 01 tuần thì sẽ bán được đất, Q vào nhóm buôn bán bất động sản “Huỳnh đệ bất động sản ATHENA” lấy hình ảnh mặt trong GCNQSD đất của thửa đất số 86, tờ bản đồ số 14, diện tích 72m² ở Tổ G, Khu I, phường C, thành phố H rồi gửi cho anh B. Do tin tưởng Q nên B đồng ý. Anh B đã chuyển số tiền 150.000.000 đồng đến tài khoản số 05188013999968 của Q mở tại Ngân hàng M chi nhánh Q3. Hết thời hạn, không thấy Q thanh toán tiền mua bán đất như đã thỏa thuận, anh B đã nhiều lần yêu cầu Q trả lại tiền nhưng Q lại ra nhiều lý do và nói dối anh B là chưa bán được đất nhằm mục đích không trả lại tiền cho anh B. Do nghi ngờ Q tạo dựng niềm tin để chiếm đoạt tài sản, nên anh B đã đến Cơ quan Công an trình báo, yêu cầu Q phải hoàn trả lại số tiền 350.000.000 đồng. Anh B giao nộp các tài liệu, gồm: Thỏa thuận đặt cọc, hình ảnh Zalo các tin nhắn nói chuyện giữa anh B và Q; Hình ảnh GCNQSD đất của thửa đất số 86, tờ bản đồ số 14, diện tích 72m² ở tổ G, khu I, phường C, thành phố H. Tại bản kết luận giám định số 1910 ngày 30/11/2022, của Phòng kỹ thuật Công an tỉnh Q, kết luận: Chữ viết, chữ ký trong giấy thỏa thuận đặt cọc do anh Hà Quốc B giao nộp với chữ viết, chữ ký của Vũ Thị Ngọc Q là do cùng một người viết và ký ra.

4. Chiếm đoạt số tiền 2.940.000.000 đồng của chị Đặng Thị L:

Do có nhu cầu làm chuyển đổi, sang tên và cấp GCNQSD đất đối với 02 thửa đất số 12A2A+12A, tờ bản đồ số 10, tại Tổ I, Khu C, phường H, thành phố H nên chị Đặng Thị L đã tìm người giúp. Sau đó, thông qua anh Nguyễn Đức Q2 là cán bộ Ngân hàng V chi nhánh Q3, chị L quen biết và nhờ Vũ Thị Ngọc Q giúp. Sau khi xem giấy tờ đất, Q nói với chị L “Q quen biết nhiều Lãnh đạo ở Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Q, nên làm được GCNQSD đất cho chị L, chi phí hết 3.000.000.000 đồng”, chị L đồng ý. Sau đó, trong khoảng thời gian từ tháng 03/2022 đến tháng 07/2022, Q đã lại ra nhiều lý do không có thật để yêu cầu chị L đưa tiền cho Q để làm GCNQSD đất, cụ thể:

Ngày 28/3/2022, Q đến nhà và yêu cầu chị L phải đặt cọc số tiền 200.000.000 đồng, chị L đồng ý và đưa cho Q số tiền 200.000.000 đồng. Khi nhận tiền, giữa Q và chị L lập Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm, nội dung, thể hiện: Bên cho vay (bên A) là Đặng Thị L cho bên vay (bên B) là Vũ Thị Ngọc Q vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 28/3/2022 đến ngày 28/5/2022, không lãi suất, mục đích vay để giải quyết công việc liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 09/4/2022, Q đến nhà và bảo chị L đưa cho Q số tiền 2.000.000.000 đồng để nộp tiền dịch vụ cũng như tiền thuế. Khi chị L nói không đủ số tiền và phải đi vay, thì Q bảo chị L chuyển khoản số tiền 1.940.000.000 đồng vào tài khoản số 0518801399968 của Q mở tại Ngân hàng M Chi nhánh Q3, còn số tiền 60.000.000 đồng thì chị L giữ lại để trả tiền lãi. Sau đó chị L đã chuyển khoản đủ số tiền 1.940.000 đồng vào số tài khoản trên theo yêu cầu của Q. Sau khi nhận tiền, Q và chị L lập hợp đồng vay mượn tài sản không có biện pháp bảo đảm, nội dung thể hiện: Bên cho vay (bên A) là Đặng Thị L cho bên vay (bên B) là Vũ Thị Ngọc Q vay số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 09/4/2022 đến ngày 09/5/2022, không lãi suất, mục đích vay để làm thủ tục gộp thửa và chuyển đổi mục đích của thửa đất 12A2A + 12A2, tờ bản đồ số 10, thuộc địa chỉ tổ I, khu C, phường H, thành phố H.

Ngày 19/5/2022, Q đến nhà yêu cầu chị L đưa tiếp cho Q số tiền 150.000.000 đồng, chị L đồng ý và đưa tiền cho Q. Sau khi nhận tiền, Q viết giấy bản cam kết, thể hiện: Q nhận của chị L số tiền 150.000.000 đồng, sau 02 ngày bên chúng tôi sẽ có trách nhiệm thông báo cho cô L về cuốn sổ địa chính.

Để chị L tin tưởng nên ngày 13/6/2022, Q đến nhà và nói với chị L đã làm xong thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất chưa có sổ, đồng thời bảo chị L đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất 12A2A+12A, tờ bản đồ số 10, số hiệu thửa B4984950 và các hồ sơ liên quan để Q làm thủ tục, chị L đồng ý và giao cho Q. Khi nhận, Q viết giấy xác nhận việc Q nhận sổ của chị L số hiệu thửa 984950 thửa đất 12A2A+12A, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: tổ I, khu C, phường H, thành phố H, để gộp thửa, khi nào xong sẽ giao sổ mới cho chị L.

Đến ngày 05/7/2022, Q tự làm 01 tờ “Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai”, rồi Q cầm đến nhà chị L. Q nói với chị L là có thông báo thuế và cho chị L xem tờ thông báo thuế để làm chuyển đổi mục đích đất ở với số tiền là 800.000.000 đồng và yêu cầu chị L phải đưa số tiền trên cho Q. Sau đó ngày 06/7/2022 chị L đã chuyển khoản số tiền 800.000.000 đồng đến tài khoản số 0518801399968 của Q mở tại Ngân hàng M chi nhánh Q3. Sau khi nhận tiền, Q và chị L lập hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm, nội dung thể hiện: Bên cho vay (bên A) là Đặng Thị L cho bên vay (bên B) là Vũ Thị Ngọc Q vay số tiền 800 triệu, thời hạn vay từ ngày 07/7/2022 đến ngày 07/8/2022, không lãi suất, mục đích vay để nộp thuế chuyển đổi mục đích của thửa đất 12A2A+12A, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: tổ I, khu C, phường H, thành phố H. Đồng thời Q viết giấy nhận tiền nộp thuế, thể hiện Q nhận của chị L số tiền

800.000.000 đồng để nộp thuế vào thửa đất đăng ký 1/5000 thửa số 11, với diện tích 400m² đất xây dựng; sau khi nộp thuế xong Q sẽ gửi chứng từ hóa đơn bản gốc kèm theo bản phô tô có công chứng cho chị L; hẹn ngày trả sổ là 06/8/2022 và sẽ hoàn sổ mới cho chị L...

Hết thời hạn không thấy Q giao GCNQSD đất mới, chị L yêu cầu Q đưa hóa đơn thuế thì Q không đưa và nói chưa lấy được hóa đơn về. Một thời gian sau thấy Q vẫn không đưa hóa đơn thuế và Giấy chứng nhận QSDĐ mới, chị L đã yêu cầu Q trả lại tiền và các giấy tờ liên quan đến 02 thửa đất, thì Q chỉ hứa hẹn, trốn tránh và không trả lại tiền và giấy tờ đất cho chị L. Do đó, chị L đến Cơ quan Công an trình báo, giao nộp: 03 giấy viết tay của Q, sao kê tài khoản Ngân hàng của chị Đặng Thị L; Hình ảnh tin nhắn Zalo, điện thoại thể hiện việc nói chuyện giữa chị L và Q.

Như vậy, tổng số tiền mà Vũ Thị Ngọc Q đã chiếm đoạt của chị Đặng Thị L là 2.940.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 1910 ngày 30/11/2022, của Phòng K1 Công an tỉnh Q, kết luận: Chữ viết, chữ ký trong các hợp đồng vay tài sản, giấy tờ cam kết mà chị Đặng Thị L giao nộp với chữ viết, chữ ký của Vũ Thị Ngọc Q là do cùng một người viết và ký ra.

Với nội dung trên tại Bản án sơ thẩm số: 24/2024/HS-ST ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh tuyên bố bị cáo Vũ Thị Ngọc Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Thị Ngọc Q 14 năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra bản án còn buộc trách nhiệm dân sự, nghĩa vụ chịu lãi suất nếu chậm thi hành án; buộc nghĩa vụ nộp án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/3/2024 bị cáo Vũ Thị Ngọc Q có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 07/3/2024 các bị hại gồm: Anh Đỗ Ngọc H, chị Lê Thủy T, bà Đặng Thị L; ngày 11/3/2024 bị hại là anh Đình Xuân T1; ngày 12/3/2024 bị hại là anh Hà Quốc B đều có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Vũ Thị Ngọc Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Thị Ngọc Q vắng mặt, những bị hại có kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Những bị hại có kháng cáo trình bày: Bản án sơ thẩm xác định bị cáo tự thú là không đúng; sau khi phạm tội bị cáo không có ý thức khắc phục hậu quả cho những bị hại, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo 17 năm tù. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tăng hình phạt của bị cáo lên mức 17 năm tù như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Căn cứ những tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi tại phiên tòa phúc

thẩm thì có đủ cơ sở kết luận Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật; khi xét xử sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo; đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo mức án 14 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo; tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cũng như kháng cáo của những bị hại.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

** Luật sư bào chữa cho bị cáo Vũ Thị Ngọc Q trình bày:* Nhất trí quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh phạm tội của bị cáo, bị cáo đã ăn năn hối cải, khai báo thành khẩn, khi phạm tội đang mang thai và hiện đang nuôi 03 con còn nhỏ, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Vũ Thị Ngọc Q vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bị cáo không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Thị Ngọc Q vắng mặt; nhưng căn vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những bị hại, người làm chứng đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2021 đến tháng 7/2022; bị cáo Vũ Thị Ngọc Q mặc dù không có chức năng làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không thực hiện kinh doanh bất động sản, nhưng bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối, không đúng sự thật như đang đầu tư kinh doanh bất động sản để rủ anh Hà Quốc B, Đinh Xuân T1 cùng góp vốn để kinh doanh; cũng như đưa ra thông tin mình làm được thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chiếm đoạt tiền của các bị hại; sau khi nhận được tiền, bị cáo đã không thực hiện đúng như cam kết đã thỏa thuận mà chiếm đoạt tiền của những bị hại sử dụng vào mục đích cá nhân. Hành vi đó của bị cáo Vũ Thị Ngọc Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo với tội danh nêu trên theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội; hành vi đó của bị cáo không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của

người khác được pháp luật bảo vệ, còn làm mất uy tín của cơ quan Nhà nước, gây mất trật tự trị an và hoang mang cho quần chúng nhân dân. Do số tiền bị cáo chiếm đoạt trên 500.000.000đ, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và kháng cáo của những bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo: Hội đồng xét xử phúc thẩm đồng tình với nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm; khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội của bị cáo; đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, như: Quá trình điều tra và tại các phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã tự nguyện ra đầu thú, bị cáo là người đang mang thai; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội nhiều lần và các lần phạm tội đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Những bị hại kháng cáo cho rằng bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là ăn năn hối cải là không đúng. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của những bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên hình phạt là có căn cứ.

[5] Đối với nội dung kháng cáo của bà Đặng Thị L yêu cầu bị cáo phải trả lại cho bà toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND phường H3 xét duyệt, thấy: Hành vi của bị cáo nhận làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L là trái pháp luật, bà L vẫn biết bị cáo không có nhiệm vụ thực hiện việc này nhưng vẫn nhờ bị cáo làm, hồ sơ bà L đưa cho bị cáo không chứng minh được là những tài liệu gì và hiện tại không thu hồi được, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà L.

[6] Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm; bị hại có kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thị Ngọc Q; không chấp nhận kháng cáo của những bị hại, gồm: Anh Đỗ Ngọc H, chị Lê Thủy T, bà Đặng Thị L, anh Hà Quốc B, anh Đinh Xuân T1; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2024/HS-ST ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Thị Ngọc Q 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về án phí: Bị cáo Vũ Thị Ngọc Q phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm. Anh Đỗ Ngọc H, chị Lê Thủy T, bà Đặng Thị L, anh Hà Quốc B, anh Đinh Xuân T1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2024/HS-ST ngày 28/02/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh không có kháng cáo không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao Hà Nội;
- Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Trại Tạm giam tỉnh Quảng Ninh;
- Toà án tỉnh Quảng Ninh;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm